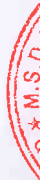


**CÔNG TY CỔ PHẦN
MÔI TRƯỜNG SONADEZI**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

Địa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ, Phường Bửu Long,
Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 30

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 11 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Bà Lương Minh Hiền	Chủ tịch
Ông Bạch Văn Hiền	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Danh	Thành viên
Bà Trần Võ Hoài Hương	Thành viên
Ông Trần Ngọc Hải Sơn	Thành viên
Bà Quách Ngọc Bửu	Thành viên
Ông Võ Thành Tâm	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Bà Ngô Thị Châu Loan	Trưởng ban
Ông Nguyễn Bích Chương	Thành viên
Bà Nguyễn Bách Thảo	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Bạch Văn Hiền	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/11/2015)
Ông Võ Thành Tín	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/11/2015)
Ông Nguyễn Ngọc Danh	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/11/2015)
Bà Quách Ngọc Bửu	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/11/2015)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

Địa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ, Phường Bửu Long,
Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016


BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư Vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính từ ngày 01 tháng 11 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc 

Bạch Văn Hiến
Tổng Giám đốc 

Biên Hòa, ngày 07 tháng 02 năm 2017



Số 17.143/BCKT-RSM HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 07 tháng 02 năm 2017 từ trang 05 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 11 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên


Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính từ ngày 01 tháng 11 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 10 năm 2015 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toán phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 23 tháng 12 năm 2015.



LỤC THỊ VÂN
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
0172-2016-026-1



HUYNH THỊ NGỌC TRINH
Kiểm toán viên
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
2124-2016-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 02 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/11/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		271.987.019.493	231.734.441.483
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	73.062.912.258	58.999.066.700
1. Tiền	111		12.242.211.966	43.817.681.645
2. Các khoản tương đương tiền	112		60.820.700.292	15.181.385.055
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		190.139.827.471	158.900.506.276
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	185.934.420.363	150.842.013.961
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.668.596.415	6.020.404.315
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	2.693.463.433	2.038.088.000
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(156.652.740)	-
III. Hàng tồn kho	140		7.506.436.027	9.988.957.183
1. Hàng tồn kho	141	5.5	7.506.436.027	9.988.957.183
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.277.843.737	3.845.911.324
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		212.616.000	266.360.000
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.10	1.065.227.737	3.579.551.324
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		222.242.129.647	142.484.824.888
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		102.372.050	-
1. Phải thu dài hạn khác	216		102.372.050	-
II. Tài sản cố định	220		110.774.962.419	72.038.003.728
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	110.774.962.419	72.038.003.728
Nguyên giá	222		241.544.211.141	181.581.999.912
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(130.769.248.722)	(109.543.996.184)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		92.284.512.613	44.126.445.534
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.6	92.284.512.613	44.126.445.534
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		7.500.000.000	7.500.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.2	7.500.000.000	7.500.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		11.580.282.565	18.820.375.626
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	11.455.912.888	18.820.375.626
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		124.369.677	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		494.229.149.140	374.219.266.371

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
 Tại ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/11/2015
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		148.962.070.335	66.768.689.009
I. Nợ ngắn hạn	310		148.962.070.335	66.768.689.009
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	30.203.017.749	8.305.604.823
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		225.645.787	685.940.629
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	1.177.920.707	3.551.068.264
4. Phải trả người lao động	314	5.11	41.688.090.372	26.805.473.109
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	4.144.306.909	-
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	105.681.811
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	54.857.124.024	7.528.890.959
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.14	16.665.964.787	19.786.029.414
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		345.267.078.805	307.450.577.362
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.15.1	345.267.078.805	307.443.672.962
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		300.000.000.000	300.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	5.15.2	300.000.000.000	300.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	4.917.088.760
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		42.100.245.343	23.901.202
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		-	23.901.202
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		42.100.245.343	-
4. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		3.166.833.462	2.502.683.000
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	6.904.400
1. Nguồn kinh phí	431		-	6.904.400
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		494.229.149.140	374.219.266.371



Bạch Văn Hiến
 Tổng Giám đốc

Biên Hòa, ngày 07 tháng 02 năm 2017

Người lập

Trần Võ Hoài Hương
 Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính từ ngày 01/11/2015 đến ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Từ ngày 01/11/2015 đến ngày 31/12/2016 (Xem TM số 10)	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/10/2015 (Xem TM số 10)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	389.650.006.065	237.642.783.617
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		389.650.006.065	237.642.783.617
3. Giá vốn hàng bán	11	6.2	310.548.799.189	188.892.126.294
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		79.101.206.876	48.750.657.323
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	3.429.938.396	3.341.622.776
6. Chi phí tài chính	22		-	1.750.000.000
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.4	32.799.460.491	15.517.020.321
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		49.731.684.781	34.825.259.778
9. Thu nhập khác	31		1.343.113.599	1.338.406.773
10. Chi phí khác	32		278.699.106	15.312.224.115
11. Lợi nhuận khác	40		1.064.414.493	(13.973.817.342)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		50.796.099.274	20.851.442.436
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.6	8.820.223.608	4.461.146.571
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(124.369.677)	-
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		42.100.245.343	16.390.295.865
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.15.4	1.260	-
17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	5.15.4	1.260	-



Phê Duyệt

Bạch Văn Hiền
Tổng Giám đốc

Biên Hòa, ngày 07 tháng 02 năm 2017

Người lập

Trần Võ Hoài Hương
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính từ ngày 01/11/2015 đến ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Từ ngày	Từ ngày
			01/11/2015 đến ngày 31/12/2016 (Xem TM số 10)	01/01/2015 đến ngày 31/10/2015 (Xem TM số 10)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		50.796.099.274	20.851.442.436
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.7	21.730.653.500	29.595.543.841
Các khoản dự phòng	03		156.652.740	(10.062.500)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.490.074.083)	(1.558.817.112)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		70.193.331.431	48.878.106.665
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(30.888.379.114)	28.219.080.279
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.482.521.156	(2.078.903.967)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kê lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		18.330.226.058	4.889.053.706
Tăng giảm chi phí trả trước	12		7.418.206.738	7.430.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	5.10	(6.307.900.021)	(11.047.917.469)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		4.417.661.453	3.063.663.601
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(9.299.843.781)	(80.382.913.776)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		56.345.823.920	(8.452.400.961)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	7	(44.858.566.323)	(12.886.905.422)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		144.500.000	54.545.455
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.432.087.961	3.341.622.776
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(42.281.978.362)	(9.490.737.191)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40			35.007.372.873
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM	50		14.063.845.558	17.064.234.721
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5.1	58.999.066.700	41.934.831.979
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	5.1	73.062.912.258	58.999.066.700



Phê Duyệt
 Bạch Văn Hiến
 Tổng Giám đốc

Biên Hòa, ngày 07 tháng 02 năm 2017

Người lập

Trần Võ Hoài Hương
 Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 11 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn MTV Dịch vụ Môi Trường Đô Thị Đồng Nai, một doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 16 tháng 08 năm 2015, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3600274914 ngày 07 tháng 08 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Công ty chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 11 năm 2015 theo văn bản số 8835/UBND-KT ngày 28 tháng 10 năm 2015 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Đồng Nai.

Ngày 18 tháng 01 năm 2016, Công ty chính thức trở thành công ty đại chúng theo văn bản số 304/UBCK-GSĐC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Ngày 22 tháng 11 năm 2016, Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 760/QĐ-SGDHN ngày 22 tháng 11 năm 2016 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Vốn vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần lượt là 300 tỷ VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/11/2015	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty CP Phát triển Khu Công nghiệp	192.128.460.000	64,04	192.128.460.000	64,04
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng BMT	39.000.000.000	13,00	39.000.000.000	13,00
Khác	68.871.540.000	22,96	68.871.540.000	22,96
Cộng	300.000.000.000	100,00	300.000.000.000	100,00

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ, Phường Bửu Long, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 753 (31/10/2015: 760).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ đô thị môi trường.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Quét dọn đường phố, vỉa hè. Dịch vụ lau dọn vệ sinh;
- Thu gom rác thải sinh hoạt. Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn (rác thải sinh hoạt, công nghiệp, y tế). Xử lý nước thải;
- Kinh doanh và tái chế phế liệu, sản xuất phân hữu cơ
- Duy tu, sửa chữa các hệ thống công trình thoát nước, vỉa hè, cầu đường;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Quản lý, chăm sóc công viên công cộng, hoa viên, cây xanh đường phố. Mua bán, trồng và cắt tỉa tạo hình cây xanh, hoa kiểng các loại. Thi công xây dựng, duy tu bảo dưỡng công trình công viên cây xanh.
- Quản lý, vận hành và duy tu sửa chữa hệ thống chiếu sáng công cộng, hệ thống đèn tín hiệu giao thông;
- Dịch vụ mai táng, hỏa táng, xây mộ. Đầu tư xây dựng, quản lý và khai thác nghĩa trang.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH, KỶ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ

2.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12; riêng năm tài chính đầu tiên sau cổ phần hóa được bắt đầu kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2015 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (dưới đây gọi chung là "Năm 2016").

2.3. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Thay đổi chính sách kế toán

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 10 năm 2015 (dưới đây gọi chung là "Năm 2015").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.2. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

4.4. Đầu tư tài chính***Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác***Đầu tư khác***

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính***Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn***

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được yêu cầu trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.5. Các khoản phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được trình bày theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi cân trừ với các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.7. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh và chi phí lắp đặt, chạy thử trừ đi giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	Năm 2016
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 49 năm
▪ Máy móc thiết bị	4 – 19 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 – 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 10 năm

4.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa, giá vốn công cụ, dụng cụ,.... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 02 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Lợi thế kinh doanh khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong vòng 03 năm.

4.9. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.10. Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

4.11. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 01 tháng 01 năm 2009. Ngoài ra, theo quy định tại Thông tư 180/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính, kể từ năm tài chính 2012, Công ty đã không trích dự phòng trợ cấp mất việc theo quy định tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 08 năm 2003 của Bộ Tài chính và số dư của khoản dự phòng này (nếu có) đã được tất toán trong năm 2012.

4.12. Vốn chủ sở hữu***Vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.13. Doanh thu, thu nhập khác***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.15. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

4.16. Thuế***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là:

- Thuế suất 22% cho giai đoạn tài chính từ 01/11/2015 đến 31/12/2015;
- Thuế suất 20% cho giai đoạn từ 01/01/2016 đến 31/12/2016.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch.
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Ưu đãi, miễn giảm thuế

Theo Giấy phép đầu tư số 47121000435 do UBND Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 11 tháng 11 năm 2014, Công ty được hưởng ưu đãi thuế suất 10% đối với hoạt động thu gom và xử lý chất thải, nước thải tại Xã Vĩnh Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Đồng Nai cho dự án khu xử lý chất thải sinh hoạt và công nghiệp.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Dịch vụ hệ thống chiếu sáng, công viên, quản lý chợ đêm, mai táng, hỏa táng: không chịu thuế;
- Hút hầm vệ sinh, rác thải, rác thải y tế: 0%;
- Các dịch vụ khác 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.17. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/11/2015 VND
Tiền mặt	1.804.999.893	908.044.081
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.437.212.073	42.909.637.564
Các khoản tương đương tiền	60.820.700.292	15.181.385.055
Cộng	73.062.912.258	58.999.066.700

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng TMCP Công Thương – chi nhánh Đồng Nai với kỳ hạn 1 tháng và lãi suất 4,3%/năm.

5.2. Đầu tư tài chính dài hạn

Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi (mã chứng khoán SDV), số lượng 500.000 cổ phiếu. Tại ngày báo cáo, giá trị hợp lý của khoản đầu tư này là 10.150.000.000 VND.

5.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/11/2015 VND
Phòng Quản Lý Đô Thị Biên Hòa	166.569.671.472	7.357.778.446
Phòng tài chính kế hoạch Biên Hòa	-	129.619.738.954
Các khách hàng khác	18.847.478.871	13.791.903.461
Phải thu khách hàng là các bên có liên quan – xem thêm mục 8	517.270.020	72.593.100
Cộng	185.934.420.363	150.842.013.961

5.4. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2016 VND		Tại ngày 01/11/2015 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	1.466.923.930	-	-	-
Phải thu người lao động	218.212.000	-	134.223.025	-
Phải thu về cổ phần hoá	-	-	988.716.180	-
Phải thu khác	1.008.327.503	-	915.148.795	-
Cộng	2.693.463.433	-	2.038.088.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.5. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/11/2015	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.937.098.215	-	997.882.839	-
Công cụ, dụng cụ	1.125.089.586	-	980.826.990	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang:	3.868.310.676	-	7.453.681.836	-
<i>Các công trình giao thông</i>	3.601.586.776	-	3.460.751.462	-
<i>Các công trình chiếu sáng</i>	132.658.000	-	3.322.581.374	-
<i>Công trình trồng cây xanh</i>	134.065.900	-	670.349.000	-
Hàng hóa	575.937.550	-	556.565.518	-
Cộng	7.506.436.027	-	9.988.957.183	-

5.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày	Tại ngày
	31/12/2016	01/11/2015
	VND	VND
Công trình khu xử lý chất thải Huyện Vĩnh Cửu	92.112.660.378	42.786.113.605
Công trình bãi xử rác Trảng Dài	144.144.508	161.139.218
Công trình lò đốt rác y tế	3.909	386.278.400
Công trình đường vào khu xử lý chất thải SH&CN	-	677.699.129
Công trình khác	27.703.818	115.215.182
Cộng	92.284.512.613	44.126.445.534

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

Địa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ,

Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.7. Tặng, giảm tài sản cố định hữu hình	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng VND
Khoản mục	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/11/2015	102.035.422.860	42.904.636.323	223.469.536	-	181.581.999.912
Mua trong năm	-	41.392.254.203	64.136.364	-	42.008.912.809
Đầu tư XDCB hoàn thành	12.151.830.795	-	-	6.393.382.465	18.545.213.260
Tặng khác	120.801.492	39.500.000	-	-	160.301.492
Thanh lý, nhượng bán	-	(595.000.000)	-	-	(643.500.000)
Giảm khác	(108.716.332)	-	-	-	(108.716.332)
Tại ngày 31/12/2016	114.199.338.815	83.741.390.526	287.605.900	6.393.382.465	241.544.211.141
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/11/2015	70.156.422.036	25.718.360.598	220.302.866	-	109.543.996.184
Khấu hao trong năm	6.406.465.691	11.240.043.374	14.390.530	582.894.005	21.730.653.500
Tặng khác	120.801.492	39.500.000	-	-	161.244.548
Thanh lý, nhượng bán	-	(556.986.122)	-	-	(557.929.178)
Giảm khác	(108.716.332)	-	-	-	(108.716.332)
Tại ngày 31/12/2016	76.574.972.887	36.440.917.850	234.693.396	582.894.005	130.769.248.722
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/11/2015	31.879.000.824	17.186.275.725	3.166.670	-	72.038.003.728
Tại ngày 31/12/2016	37.624.365.928	47.300.472.676	52.912.504	5.810.488.460	110.774.962.419

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 59.166.500.231 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.8. Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/11/2015 VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	230.000.000	450.700.000
Lợi thế kinh doanh	11.225.912.888	18.369.675.626
Cộng	11.455.912.888	18.820.375.626

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được Công ty ghi nhận và phân bổ trong thời gian 03 năm theo hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính.

5.9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2016 VND		Tại ngày 01/11/2015 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH ô tô Chuyên dùng Hiệp Hòa	14.232.000.000	14.232.000.000	-	-
Công ty TNHH Môi Trường Mỹ Ý Lan	2.875.743.650	2.875.743.650	-	-
Trương Ngọc Phương (tiệm Điện Minh)	2.081.135.410	2.081.135.410	-	-
Trạm xăng dầu Bến xe Biên Hòa	1.248.523.975	1.248.523.975	961.936.190	961.936.190
Các nhà cung cấp khác	9.765.614.714	9.765.614.714	4.232.831.461	4.232.831.461
Phải trả là các bên có liên quan – xem thêm mục 8	-	-	3.110.837.172	3.110.837.172
Cộng	30.203.017.749	30.203.017.749	8.305.604.823	8.305.604.823

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

Địa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ,
Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.10. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 01/01/2016		Trong năm		Tại ngày 31/12/2016	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	1.424.633.482	26.648.592.637	26.966.186.617	-	1.107.039.502
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.577.551.324	-	8.820.223.608	6.307.900.021	1.065.227.737	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	2.126.434.782	1.683.390.210	3.738.943.787	-	70.881.205
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	843.020.992	843.020.992	-	-
Các loại thuế khác	2.000.000	-	10.000.000	8.000.000	-	-
Cộng	3.579.551.324	3.551.068.264			1.065.227.737	1.177.920.707

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.11. Phải trả người lao động

Là khoản lương tháng 12 năm 2016 và thưởng còn phải trả cho người lao động.

5.12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/11/2015 VND
Trích trước chi phí xây dựng công trình xử lý chất thải - phần nắp hồ rác SH5	3.213.593.636	-
Trích trước chi phí xây dựng công trình bể xử lý nước thải	930.713.273	-
Cộng	4.144.306.909	-

5.13. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/11/2015 VND
Chi phí xử lý rác sinh hoạt hộ dân cho Phòng Tài chính kế hoạch Biên Hòa	5.599.460.844	6.070.981.236
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	137.899.894	147.774.956
Kinh phí công đoàn	299.824.120	74.194.530
Phải trả về cổ phần hóa	12.900	1.068.010.027
Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai	1.056.299.208	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.036.509.003	167.930.210
Các khoản phải bàn giao ngân sách nhà nước	46.727.118.055	-
<i>Chi phí giải phóng mặt bằng Huyện Vĩnh Cửu</i>	46.326.161.807	-
<i>Chi phí dự án lò đốt rác y tế</i>	400.956.248	-
Cộng	54.857.124.024	7.528.890.959

5.14. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/11/2015 VND
Quỹ khen thưởng	8.045.193.497	9.750.437.461
Quỹ phúc lợi	8.620.771.290	9.619.592.640
Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Công ty	-	415.999.313
Cộng	16.665.964.787	19.786.029.414

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONAEZI

Địa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ,

Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.15. Vốn chủ sở hữu****5.15.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu						Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Quý đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND		
Tại ngày 01/01/2015	112.798.299.110	32.284.581.662	65.216.619.226	51.112.093.444	3.581.033.685	264.992.627.127	
Tăng vốn trong kỳ trước	187.201.700.890	-	-	-	-	187.201.700.890	
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	16.390.295.865	16.390.295.865	
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	4.917.088.760	(4.917.088.760)	-	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(11.473.207.105)	(11.473.207.105)	
Tăng khác	-	-	2.502.683.000	-	23.901.202	2.526.584.202	
Giảm khác	-	(32.284.581.662)	(65.216.619.226)	(51.112.093.444)	(3.581.033.685)	(152.194.328.017)	
Tại ngày 01/11/2015	300.000.000.000	-	2.502.683.000	4.917.088.760	23.901.202	307.443.672.962	
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	42.100.245.343	42.100.245.343	
Tăng khác	-	-	3.216.414.462	-	-	3.216.414.462	
Giảm khác	-	-	(2.552.264.000)	(4.917.088.760)	(23.901.202)	(7.493.253.962)	
Tại ngày 31/12/2016	300.000.000.000	-	3.166.833.462	-	42.100.245.343	345.267.078.805	

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZIĐịa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ,
Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.15.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/11/2015 VND
Vốn góp của Tổng công ty CP Phát triển Khu công nghiệp	192.128.460.000	192.128.460.000
Vốn góp của Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng BMT	39.000.000.000	39.000.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	68.871.540.000	68.871.540.000
Cộng	300.000.000.000	300.000.000.000

5.15.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/11/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	30.000.000	30.000.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

5.15.4. Lãi cơ bản và Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	42.100.245.343	16.390.295.865
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(4.286.752.097)	-
Lợi nhuận (lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	37.813.493.246	16.390.295.865
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	30.000.000	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu và Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.260	-

Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu không được tính toán cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 10 năm 2015 do Công ty còn là công ty TNHH Một thành viên.

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trừ ra khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu dựa vào kế hoạch trích quỹ của Hội đồng quản trị ngày 15 tháng 03 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu bán hàng	1.511.329.065	774.458.632
Doanh thu cung cấp dịch vụ	386.654.259.456	236.318.570.585
Doanh thu cung cấp dịch vụ với các bên có liên quan – Xem thêm mục 8.	1.484.417.544	549.754.400
Cộng	389.650.006.065	237.642.783.617

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	985.966.893	553.076.259
Giá vốn của thành phẩm đã bán	309.562.832.296	188.339.050.035
Cộng	310.548.799.189	188.892.126.294

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.679.938.396	2.591.622.776
Cổ tức, lợi nhuận được chia	750.000.000	750.000.000
Cộng	3.429.938.396	3.341.622.776

6.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	12.039.120.222	7.305.952.784
Chi phí vật liệu quản lý	788.217.333	602.425.555
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.703.685.675	963.380.829
Chi phí lợi thế thương mại phân bổ	7.143.762.738	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.170.121.453	906.111.699
Thuế, phí và lệ phí	1.412.742.309	736.756.340
Chi phí dự phòng	156.652.740	(10.062.500)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.071.943.101	579.015.395
Chi phí bằng tiền khác	7.313.214.920	4.433.440.219
Cộng	32.799.460.491	15.517.020.321

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**6.5. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	126.147.120.304	82.445.525.693
Chi phí nhân công	152.143.133.416	86.573.659.141
Chi phí khấu hao tài sản cố định	21.730.653.500	29.595.543.841
Chi phí dự phòng	156.652.740	(10.062.500)
Chi phí lợi thế thương mại phân bổ	7.143.762.738	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.932.199.692	7.817.170.410
Chi phí khác bằng tiền	22.496.234.760	13.686.792.631
Cộng	340.749.757.150	220.108.629.216

6.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	50.796.099.274	20.851.442.436
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	2.367.228.027	176.496.523
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(750.000.000)	(750.000.000)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	52.413.327.301	20.277.938.959
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính cho mức thuế suất 22%	1.093.549.963	4.461.146.571
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính cho mức thuế suất 20%	5.964.818.070	-
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính cho mức thuế suất 10%	1.761.855.575	-
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	8.820.223.608	4.461.146.571

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế như: chi phí không hóa đơn chứng từ, các khoản trích trước chưa có hóa đơn và cổ tức được nhận.

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Xúc vận chuyển rác;
- Thu gom rác phố;
- Xử lý rác;
- Hoạt động khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

Địa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ,
Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 11 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016**

	Xúc vận chuyên rác		Thu gom rác phố		Xử lý rác		Hoạt động khác		Tổng cộng	
	Năm 2016 '000VND	Năm 2015 '000VND	Năm 2016 '000VND	Năm 2015 '000VND	Năm 2016 '000VND	Năm 2015 '000VND	Năm 2016 '000VND	Năm 2015 '000VND	Năm 2016 '000VND	Năm 2015 '000VND
Doanh thu										
Từ khách hàng bên ngoài	131.757.455	85.711.735	49.113.634	33.273.601	66.713.334	21.694.946	142.065.583	96.962.502	389.650.006	237.642.784
Giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Cộng	131.757.455	85.711.735	49.113.634	33.273.601	66.713.334	21.694.946	142.065.583	96.962.502	389.650.006	237.642.784
Kết quả hoạt động kinh doanh										
Kết quả của bộ phận	127.919.294	25.498.527	40.427.964	2.102.493	66.236.149	(1.189.076)	(155.482.199)	22.338.714	79.101.207	48.750.658
CP không phân bổ									32.799.460	15.517.020
Thu nhập tài chính									3.429.938	3.341.623
Chi phí tài chính									-	1.750.000
Lợi nhuận trước thuế									50.796.099	20.851.442
Thuế thu nhập doanh nghiệp									8.695.854	4.461.147
Lợi nhuận sau thuế									42.100.245	16.390.296

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

Địa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ,

Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Các thông tin khác**

	Xúc vận chuyên rác		Thu gom rác phổ		Xử lý rác		Hoạt động khác		Tổng cộng	
	31/12/2016 '000VND	01/11/2015 '000VND	31/12/2016 '000VND	01/11/2015 '000VND	31/12/2016 '000VND	01/11/2015 '000VND	31/12/2016 '000VND	01/11/2015 '000VND	31/12/2016 '000VND	01/11/2015 '000VND
Tài sản của bộ phận	44.998.494	13.954.061	-	-	17.395.530	1.865.755	48.380.938	56.218.188	110.774.962	72.038.004
Tài sản không phân bổ									383.454.187	302.181.263
Tổng tài sản									494.229.149	374.219.266

Nợ phải trả của bộ phận

Nợ phải trả không phân bổ

Tổng nợ phải trả

	Xúc vận chuyên rác		Thu gom rác phổ		Xử lý rác		Hoạt động khác		Tổng cộng	
	Năm 2016 '000VND	Năm 2015 '000VND	Năm 2016 '000VND	Năm 2015 '000VND	Năm 2016 '000VND	Năm 2015 '000VND	Năm 2016 '000VND	Năm 2015 '000VND	Năm 2016 '000VND	Năm 2015 '000VND
Chi phí mua sắm tài sản	-	-	-	-	-	-	-	-	44.858.566	12.886.905
Chi phí khấu hao	-	-	-	-	-	-	-	-	21.730.653	29.595.544

Bộ phận theo khu vực địa lý: Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty hoàn toàn tại Tỉnh Đồng Nai, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh, vì vậy, Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

1. Tổng công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp
2. Các công ty con, công ty liên doanh, liên kết với Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp
3. HĐQT và Ban Tổng Giám đốc

Mối quan hệ

Công ty mẹ
Công ty trong cùng tập đoàn
Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/11/2015 VND
Phải thu:		
Tổng công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	-	10.054.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	226.888.600	48.084.600
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	4.576.000	6.930.000
Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai	236.852.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2	47.858.920	5.374.000
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	484.000	-
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	-	1.606.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	610.500	544.500
Cộng – Xem thêm mục 5.3	517.270.020	72.593.100

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/11/2015 VND
Phải trả:		
Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai	-	(3.110.837.172)
Cộng – Xem thêm mục 5.9	-	(3.110.837.172)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Bán hàng:		
Tổng công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	163.816.840	9.140.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	372.070.500	393.957.000
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	115.610.000	52.833.000
Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai	236.852.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và vật liệu Đồng Nai	6.050.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2	200.311.204	37.610.000
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	38.082.000	27.302.000
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	38.439.500	19.397.400
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	300.260.500	-
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	4.713.500	3.344.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	8.211.500	6.171.000
Cộng – Xem thêm mục 6.1	1.484.417.544	549.754.400

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZIĐịa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ,
Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Mua dịch vụ:		
Công ty CP Cấp nước Đồng Nai	765.749.125	478.401.380
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	317.086.364	350.460.000
Cộng	1.082.835.489	828.861.380

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thù lao và thu nhập	2.247.642.462	1.236.127.915

9. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	400.200.000	312.150.290

10. SỐ LIỆU SO SÁNH

Ngày 01 tháng 11 năm 2015, Công ty chính thức chuyển đổi từ Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch Vụ Môi Trường Đồng Nai thành Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi, báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính đầu tiên sau cổ phần hóa từ ngày 01/11/2015 đến ngày 31/12/2016. Những thông tin kỳ trước trên báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ được trình bày tương ứng với số liệu của báo cáo tài chính của kỳ trước cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/10/2015. Do đó, các số liệu này không có tính so sánh.

11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Bạch Văn Hiến
Tổng Giám đốc

Biên Hòa, ngày 07 tháng 02 năm 2017

Người lập

Trần Võ Hoài Hương
Kế toán trưởng